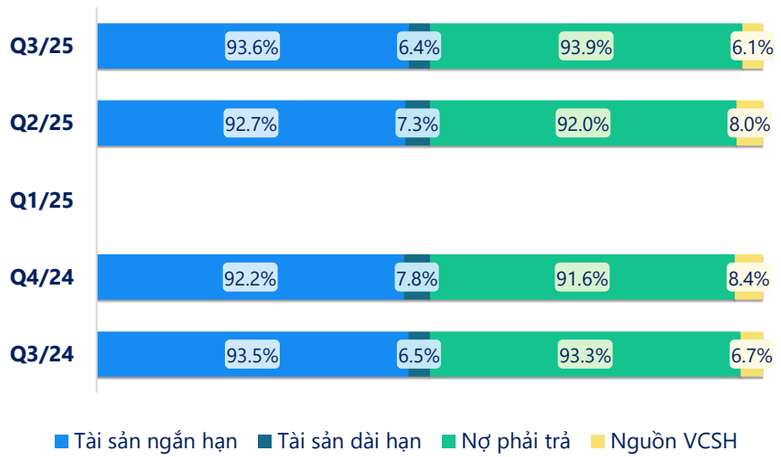
FireAnt

CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,802
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,013
SL cổ phiếu LH	12,419,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	89,050
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	
EPS	

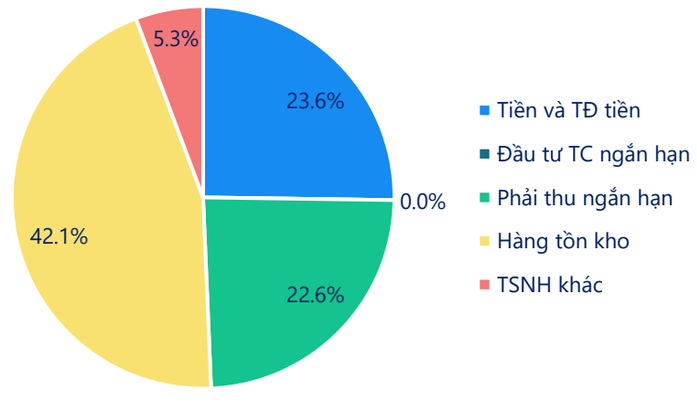
	YTD	1T	3T	6T
TA9	9.1%	-4.5%	0.3%	1.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



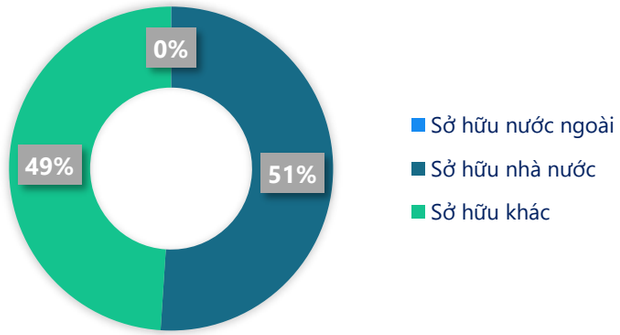
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



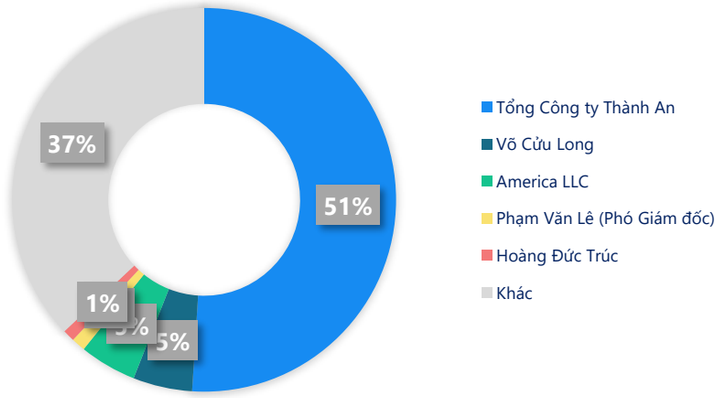
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



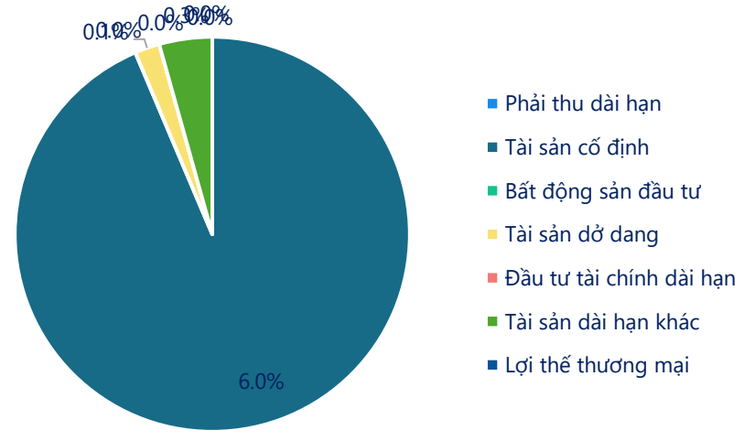
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

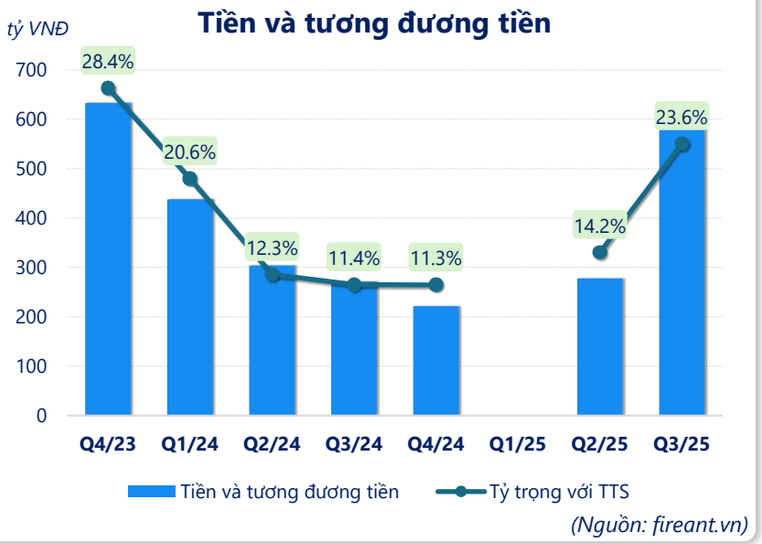


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

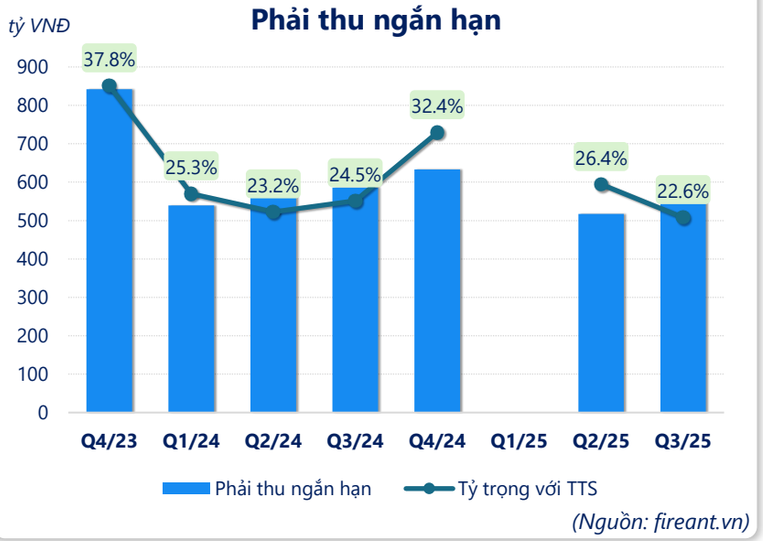
CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



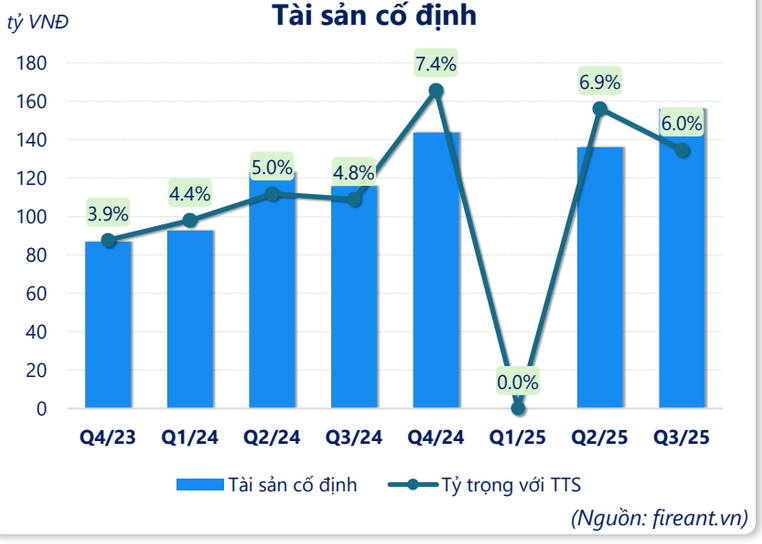
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



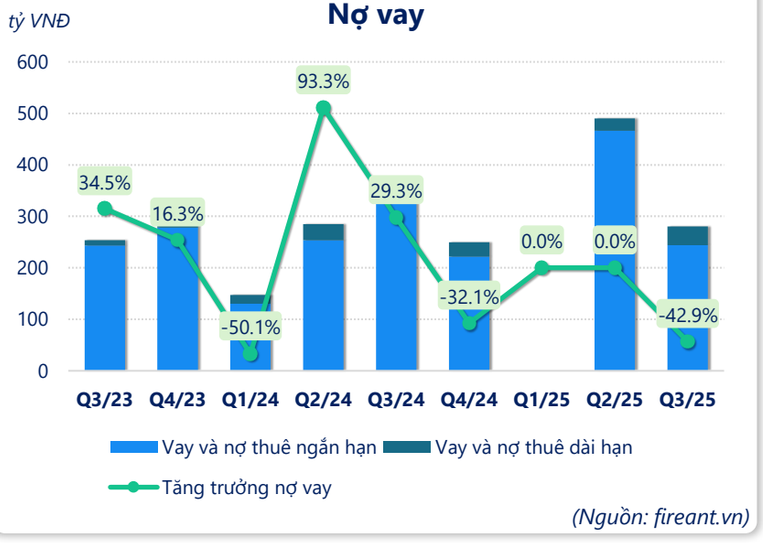
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



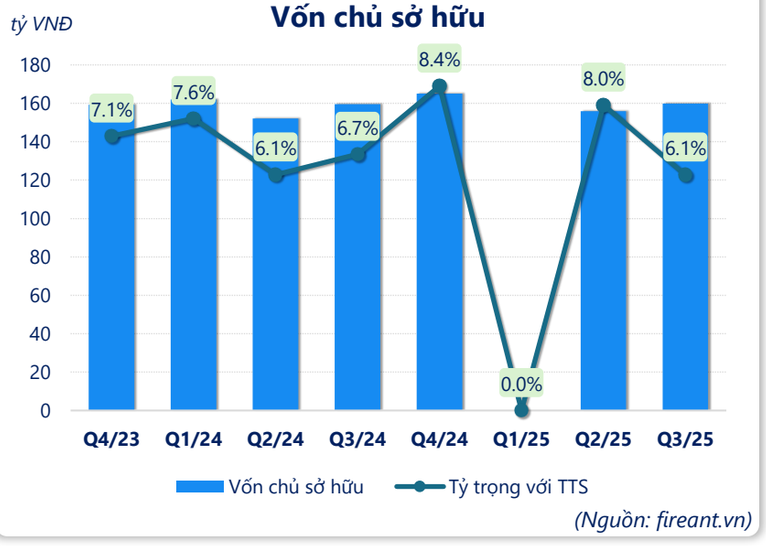
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

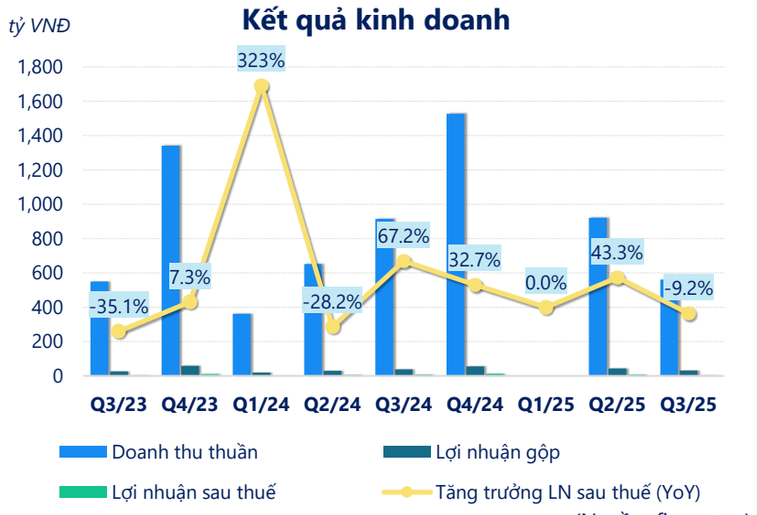


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

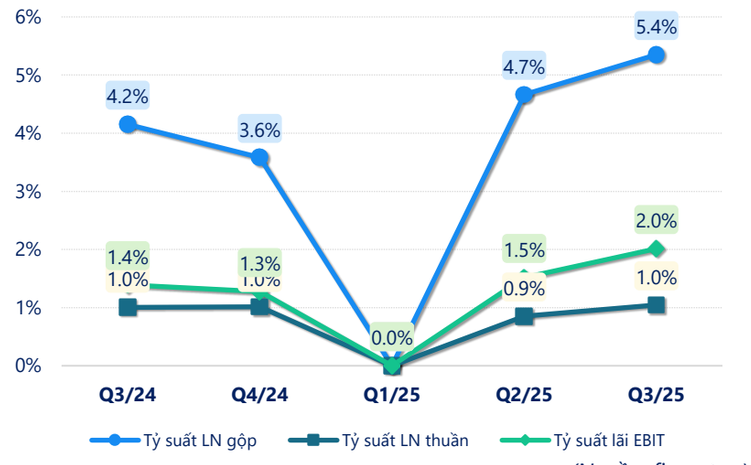
CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

Kết quả kinh doanh



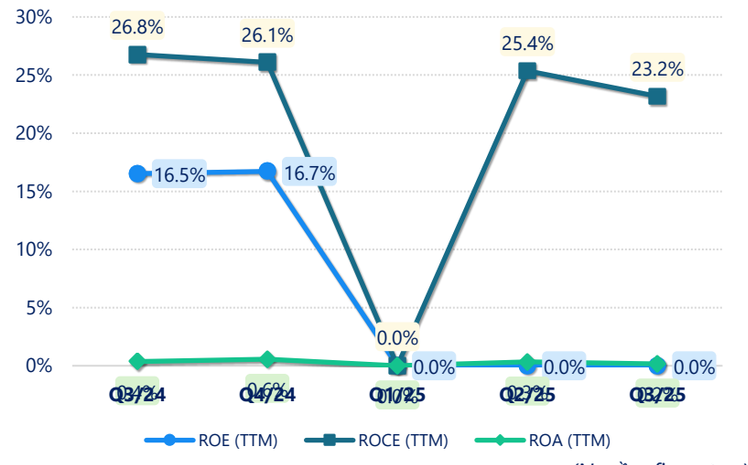
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



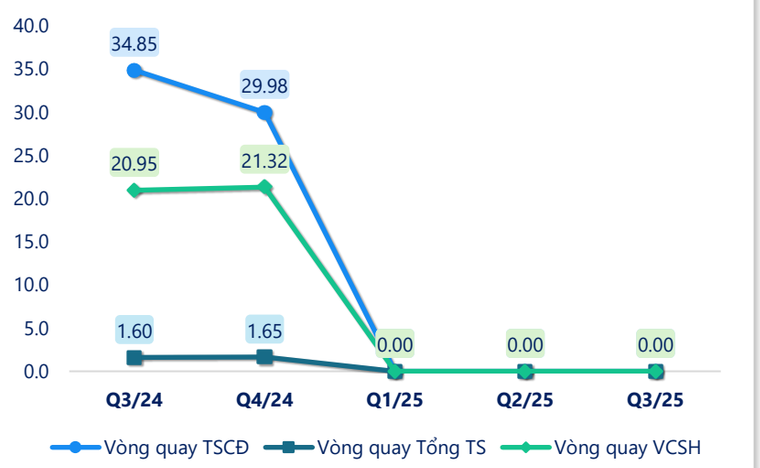
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



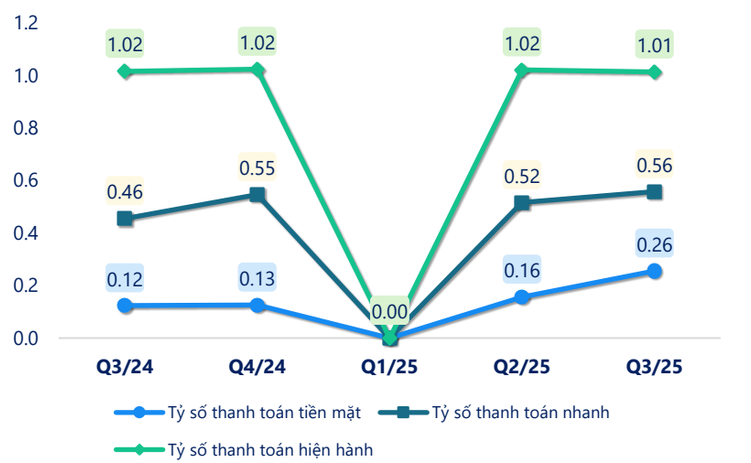
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



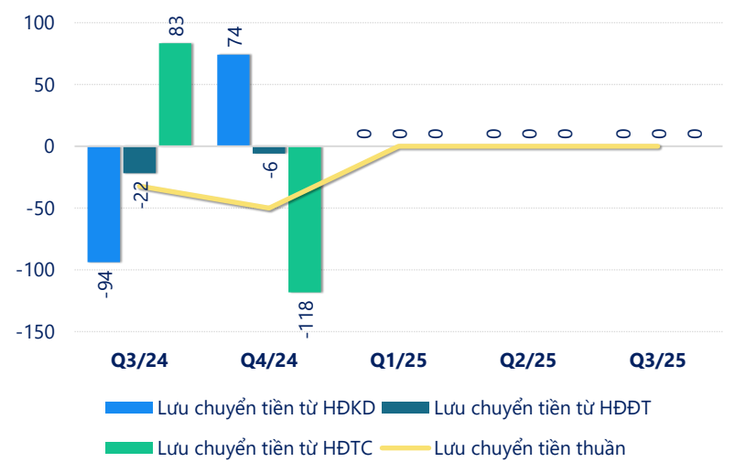
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây lắp Thành An 96 (HNX: TA9)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,607**	**1,953**	**33.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,440	1,801	35.5%
Tiền và tương đương tiền	615	226	172%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	588	633	-7.0%
Hàng tồn kho	1,097	840	30.6%
Tài sản ngắn hạn khác	139	102	36.3%
Tài sản dài hạn	**167**	**152**	**9.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	156	144	8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.39	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.23**	**8.38**	**-13.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,447	1,788	36.8%
Nợ ngắn hạn	**2,409**	**1,760**	**36.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	244	222	10.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	598	827	-27.7%
Nợ dài hạn	37.5	27.9	34.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	36.0	27.7	30.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**160**	**165**	**-3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**160**	**165**	**-3.1%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	915	1,527		921	562
Giá vốn hàng bán	877	1,472		878	532
Lợi nhuận gộp	38.0	54.7		43.0	30.1
Doanh thu HĐTC	0.66	0.90		0.49	0.83
Chi phí TC	3.55	4.15		4.67	5.61
Chi phí lãi vay	3.55	4.15		4.67	5.61
LN trong công ty LKLD	0	0		0	0
Chi phí bán hàng	0	0		0	0
Chi phí QLDN	25.9	35.9		30.9	19.4
LN thuần từ HĐKD	9.19	15.5		7.87	5.88
Lợi nhuận khác	0.00	-0.21		1.44	-0.17
LN trước thuế	9.20	15.3		9.31	5.70
Lợi nhuận sau thuế	7.35	11.8		7.44	4.03
LNST của CĐ cty mẹ	7.35	11.8		7.44	4.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-93.9	74.1	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.8	-5.88	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	83.3	-118	0	0	0
Tiền đầu kỳ	304	271	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-32.3**	**-50.0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	271	221	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic